TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM GIANG
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày: 16/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông A Lăng Ping.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sáu; Ông Dương Văn Thạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Hôm nay, vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. BhNước H, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1990 tại huyện N, tỉnh Q; Nơi cư trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông BhNước C và bà Pơ Loong H, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo có vợ và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015); Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. BhNước H1, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1994 tại huyện Nam GianNg, tỉnh Q; nơi cư trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông BhNước C và bà Pơ Loong H, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. BLing H2, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1990 tại huyện N, tỉnh Q; Nơi cư trú tại thôn P, xã C, huyện N, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Cơ tu; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông BLing D, sinh năm 1952 và bà Blúp Ô, sinh năm 1959; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo có vợ và có 01 con (sinh năm 2010); Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo BhNước H và bị cáo BLing H:* Bà Hường Thị Bích D – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo BhNước H2:* Ông Lương Đình N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người phiên dịch cho bị cáo BhNước H2:* Ông Hiêng P – Bí thư đoàn xã C, huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Uỷ ban nhân dân xã Chà Val, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tơl Đên S; Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Chà Val.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hiêng G; Chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Chà Val (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3 năm 2018, BHNước H đi tuần tra rừng với nhóm I của Tổ bảo vệ rừng thôn Cần Đôn, tuần tra tại đồi LaVia thuộc thôn Cần Đôn, xã Chà Vàl, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Tại đây, H có thấy mấy cây gỗ Chò và nảy sinh ý định cắt hạ, xẻ ra để về làm nhà ở vì nhà của H đã bị hư hỏng. Sau đó, H bàn với em ruột là BHNước H1 vào khu vực trên để khai thác một số cây gỗ Chò để về làm nhà. Trong lúc này, Bling H2 đến nhà H chơi và nghe được H, H1 bàn bạc về việc khai thác gỗ ở khu vực đồi Lavia về làm nhà ở nên H2 xin tham gia cùng (do trước đó, trong khi đi lượm hạt mây tại khu vực đồi Lavia, H2 đã thấy mấy cây gỗ Chò và do đang có nhu cầu sửa lại nhà ở đã xuống cấp). H và H1 đồng ý, H nói với H2 và H1 phải chọn ngày tốt để vào rừng khai thác gỗ, H1 và H2 đồng ý. Khoảng 10 ngày sau, H đến nhà H2 thông báo ngày mai là ngày tốt để vào rừng khai thác gỗ, biết H có cưa nên H2 với H1 đã chung tiền mỗi người 40.000 đồng (*Bốn mươi nghìn đồng*) để mua xăng và nhớt phục vụ cho việc khai thác gỗ. Khoảng 05 giờ sáng hôm sau, H và H1 đến nhà Hào để cùng nhau đi vào rừng, H gùi máy cưa, H1 gùi xăng và nhớt, H2 mang theo nước uống và cầm theo rựa để phát đường, phát dây leo quanh cây gỗ cần cưa hạ. Trên đường đi, cả ba nói chuyện với nhau về việc cưa hạ cây để phục vụ cho việc làm nhà, H nói sẽ vào rừng hạ hai cây Chò, H2 hạ một cây Chò và H1 hạ hai cây Chò. H nói với H1 và H2, cây ai người đó tự chọn và tự cưa hạ. Khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, H, H1, H2 đến khoảnh 5, khoảnh 7, Tiểu khu 341, đồi Lavia thuộc thôn Cần Đôn, xã Chà Vàl, huyện Nam Giang, H, H1 và H2 mỗi người tự chọn một cây gỗ Chò. Sau đó, lần lượt dùng cưa xăng cắt, hạ các cây gỗ Chò. Trong đó, H dùng cưa xăng tự cắt hạ 02 cây gỗ Chò nâu; H1 dùng cưa xăng tự cắt hạ 02 cây gỗ Chò; H2 dùng cưa xăng tự cắt hạ 01 cây gỗ Chò nâu. Trong lúc người này dùng cưa cắt hạ cây gỗ mình chọn thì những người còn lại phát dọn xung quanh gốc cây gỗ mà mình đã chọn cho thoáng để dễ cắt hạ. Sau khi cắt hạ xong 05 cây gỗ Chò, H, H1 và H2 cùng nghỉ ngơi, ăn cơm và đi về nhà. Đến ngày 23/9/2018, lực lượng Kiểm lâm Trạm quản lý bảo vệ rừng Chà Vàl thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Bung phát hiện vụ việc và báo cáo cho Hạt Kiểm lâm Nam Giang.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường và các Biên bản kiểm tra hiện trường xác định: 05 (năm) cây Chò nâu, gỗ nhóm VI mà BHNước H, BHNước H1, Bling H2 khai thác có tổng khối lượng là 28,278 m^3. Trong đó:

- BHNước H trực tiếp dùng cưa máy cầm tay cưa hạ một cây Chò nâu, gỗ nhóm VI tại tọa độ X: 480381.99 – Y: 1727804.87; được đánh số ký hiệu KL04; có khối lượng là 5,542m^3 và một cây Chò nâu, gỗ nhóm VI tại tọa độ X: 480374.65 – Y: 1727795.65; được đánh số ký hiệu KL05, có khối lượng 8,351m^3. Tổng khối lượng của hai cây gỗ Chò nâu bị Hợi khai thác là 13,893m^3.

- BHNước H1 trực tiếp dùng cưa máy cầm tay cưa hạ một cây Chò nâu, gỗ nhóm VI, tại tọa độ X: 480385.59 – Y: 1727832.53; được đánh số ký hiệu KL02; có khối lượng là 3,075m^3 đã trừ phần % rỗng ruột và một cây Chò nâu, gỗ nhóm VI, tại tọa độ X: 480380.38 – Y: 1727809.48; được đánh số ký hiệu KL03, có khối lượng là 5,372m^3. Tổng khối lượng của hai cây gỗ Chò nâu bị Hưới khai thác là 8,447m^3.

- Bling H2 trực tiếp dung cưa máy cầm tay cưa hạ một cây Chò nâu, gỗ nhóm VI tại tọa độ X: 480401.8 – Y: 1727776.64; được đánh số ký hiệu KL06; có khối lượng là 5,938m^3.

* Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 02/VBKL ngày 18/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nam Giang xác định:

- BHNước H khai thác 02 cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có tổng khối lượng là 13,893m^3, có giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 62.518.500 đồng (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 187.555.500 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*).

- BHNước H1 khai thác 02 cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có tổng khối lượng là 8,447m^3, có giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 38.011.500 đồng (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười một nghìn, năm trăm đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 114.034.500 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*).

- Bling H2 khai thác 01 cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có khối lượng là 5,938m^3, có giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 26.721.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 80.163.000 đồng (*Tám mươi triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Năm cây gỗ Chò nâu, gỗ nhóm VI mà BHNước H, BHNước H1, Bling H2 khai thác có tổng khối lượng là 28,278 m^3, có tổng giá trị thiệt hại của gỗ tròn Chò nâu thương phẩm là 127.251.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng*), tổng giá trị thiệt hại về môi trường là 381.753.000 đồng (*Ba trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSNG ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt là VKSND) huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo BhNước H, BhNước H1 và BLing H2 về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b Khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự (Viết tắt là BLHS). Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nam Giang thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã giữ nguyên quan điểm nội dung bản cáo

trạng truy tố. Qua xem xét tính chất của vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX): Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo BhNước H từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo BhNước H1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) nhưng cho hưởng án treo; Xử phạt bị cáo Bling H2 từ 09 (chín) đến 12 (mười) nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo chịu liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự toàn bộ thiệt hại theo kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với 01 (một) máy cưa lốc nhãn hiệu STIHL-MS380, lưỡi cưa bằng kim loại dài 70cm của bị cáo BhNước H là công cụ dùng để phạm tội, đề nghị tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có tổng khối lượng là 28,278m^3, đề nghị tịch thu và giao cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã Chà Val xử lý.

Hai người bào chữa cho 02 bị cáo đều thống nhất với nội dung cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và điều luật áp dụng; Người bào chữa cho bị cáo H1 bổ sung thêm đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ và xử phạt bị cáo H1 dưới mức thấp nhất của mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị; Đồng thời miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa gì, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Giang, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về tội danh và định khung hình phạt:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. HĐXX xác định được:

Vào tháng 3 năm 2018, các bị cáo đã vào khu rừng Khoảnh 5, Khoảnh 7, Tiểu khu 341, đồi Lavia loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, tại địa phận thôn Cần Đôn, xã Chà Val, huyện Nam Giang, thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Chà Val, rồi dùng chung 01 (một) máy cưa xăng khai thác trái phép 05 (năm) cây gỗ Chò nâu nhằm về làm nhà. Trong đó, bị cáo H dùng cưa xăng tự cắt hạ 02 (hai) cây gỗ Chò nâu; bị cáo H1 dùng cưa xăng tự cắt hạ 02 (hai) cây gỗ Chò nâu; bị cáo H2 dùng cưa xăng tự cắt hạ 01 (một) cây gỗ Chò nâu. Sau khi cắt hạ xong 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, các bị cáo cùng về nhà chờ cây gỗ khô sẽ quay lại để xẻ ra quy cách làm nhà. Đến ngày 23/9/2018, lực lượng Kiểm lâm Trạm quản lý bảo vệ rừng Chà Val thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Sông Bung phát hiện vụ việc và báo cáo cho Hạt Kiểm lâm Nam Giang.

Trên cơ sở Kết luận định giá và đối chiếu với biên bản khám nghiệm hiện trường, Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011 - 2020; Hành vi các bị cáo khai thác trái phép 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, nhóm VI tại khu rừng sản xuất là rừng tự nhiên, có tổng khối lượng là 28,278m^3, có tổng giá trị thiệt hại của gỗ tròn thương phẩm là 127.251.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng*), tổng giá trị thiệt hại về môi trường là 381.753.000 đồng (*Ba trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*) có đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 2 Điều 232 BLHS.

Bản cáo trạng truy tố và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét về tính chất vụ án và vai trò của các bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng; Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước về rừng và lâm sản, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Vì vậy, cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo thực hiện hành vi với hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, mà do các bị cáo cùng đi chung, đến cùng một khu vực rừng và cùng dùng chung một cái rựa, một máy cưa xăng để tự hạ các cây gỗ theo nhu cầu của mình nên các bị cáo cùng chịu chung về trách nhiệm hình sự; Tuy nhiên mức độ thực hiện và gây hậu quả thiệt hại là có khác nhau, trong đó, bị cáo H là người khởi xướng, đem theo máy cưa xăng của mình, bị cáo H1 và H2 là người chung tiền mua xăng và cũng trực tiếp thực hiện, hậu quả của bị cáo H2 gây ra là nhẹ hơn.

[4]. Xét về động cơ, mục đích thực hiện hành vi và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Động cơ, mục đích thực hiện hành vi: Các bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình đều là các hộ nghèo lâu năm của xã Chà Val, nhà ở tạm bợ bằng tranh, tre, nứa, nay đã xuống cấp trầm trọng, không đảm bảo an toàn cho việc cư ngụ. Xuất phát từ nhu cầu bức thiết cần phải sửa chữa làm lại nhà ở, cộng với sự hạn chế hiểu biết về pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, mục đích để đem về sửa chữa và làm nhà, không vì mục đích thương mại.

Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, mặc dù điều kiện kinh tế hiện nay của các bị cáo vô cùng khó khăn thiếu thốn nhưng các bị cáo đã cố gắng khắc phục bồi thường thiệt hại cho chủ rừng, cụ thể mỗi bị cáo nộp bồi thường 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng y*), so với hậu quả thiệt hại thì số tiền khắc phục của các bị cáo là không đáng kể, nhưng so với điều kiện kinh tế và thu nhập của các bị cáo như vậy là các bị cáo cũng đã rất cố gắng dành dụm, thậm chí vay mượn để bồi thường, thể hiện sự ăn năn hối cải và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo, nên HĐXX ghi nhận và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s Khoản 1 Điều 51 BLHS; Các bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công với Nhà nước, có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo H và bị cáo H1 là hai anh em ruột, cha mất sớm, không có điều kiện đi học văn hóa nên không hiểu biết về pháp luật, bị cáo H2 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự 02 năm, vợ hiện nay đang mang thai và có 01 con còn nhỏ; nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Chà Val, đồng thời cũng là chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và đơn xác nhận hoàn cảnh các bị cáo vô cùng khó khăn, nhà của bị cáo H đã xuống cấp trầm trọng, có nhu cầu bức xúc về nhà ở cần phải được bố trí, sắp xếp lại chỗ ở dân cư theo Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Đây là các tình tiết giảm nhẹ khác cho các bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất vụ án, động cơ, mục đích thực hiện hành vi, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo. HĐXX xét thấy, các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS nên áp dụng Khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố là phù hợp; đồng thời, xét thấy các bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo; Nên HĐXX, áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo là hoàn toàn chính đáng, thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo chăm lo cho gia đình.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều thuộc hộ nghèo và không có thu nhập ổn định, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 232 BLHS.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, 585 và 587 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy:

Hành vi của các bị cáo khai thác trái phép 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có tổng khối lượng là 28,278m^3. Theo kết luận định giá tổng giá trị thiệt hại của gỗ tròn thương phẩm là 127.251.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng*), tổng giá trị thiệt hại về môi trường là 381.753.000 đồng (*Ba trăm tám mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng*). Hiện nay toàn bộ 05 (năm) cây gỗ Chò nâu vẫn còn nguyên tại hiện trường (trong rừng). Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tòan bộ thiệt hại theo kết luận định giá, vì Ủy ban nhân dân xã

Chà Vàl không có kinh phí và cũng không thể vận chuyển các cây gỗ trên về đơn vị, để xử lý bán thu vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo H, H1, H2 thỏa thuận mỗi bị cáo tự chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tương ứng với số cây do mình khai thác và số tiền theo kết luận định giá. Theo đó, bị cáo H bồi thường giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 62.518.500 đồng (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm mười tám nghìn, năm trăm đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 187.555.500 đồng (*Một trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*); Bị cáo H1 bồi thường giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 38.011.500 đồng (*Ba mươi tám triệu, không trăm mười một nghìn, năm trăm đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 114.034.500 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm đồng*); Bị cáo H2 bồi thường giá trị thiệt hại về gỗ thương phẩm là 26.721.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng*), giá trị thiệt hại về môi trường là 80.163.000 đồng (*Tám mươi triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Xét thấy, sự thỏa thuận này đúng pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo. Trong giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử, mỗi bị cáo đã nộp khắc phục số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng y*) khoản tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền mà các bị cáo phải bồi thường. Vậy, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn dân sự, cụ thể:

- Bị cáo BHNước H còn phải bồi thường số tiền là (62.518.500 đồng + 187.555.500 đồng) – 500.000 đồng = 249.574.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

- BHNước H1 còn phải bồi thường số tiền là (38.011.500 đồng + 114.034.500 đồng) – 500.000 đồng = 151.546.000 đồng (*Một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng y*).

- Bling H2 còn phải bồi thường số tiền là (26.721.000 đồng + 80.163.000 đồng) – 500.000 đồng = 106.384.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng y*).

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. HĐXX xét thấy:

- Đối với 01 (một) máy cưa lốc nhãn hiệu STIHL-MS380, lưỡi cưa bằng kim loại dài 70cm của BhNước H là công cụ dùng để phạm tội, nên tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, gỗ nhóm VI, có tổng khối lượng là 28,278m^3, có tổng giá trị theo kết luận định giá là 127.251.000 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng*), tịch thu và giao cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl xử lý.

[8]. Xét về ý kiến bào chữa, tranh luận của 02 người bào chữa là cơ bản đều thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ và điều luật áp dụng; Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo H1, đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo H1 dưới mức thấp nhất của mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là không hợp lý, HĐXX không chấp nhận.

[9]. Vấn đề khác: Đối với các cây gỗ khác bị khai thác tại hiện trường Tiểu khu 341 đồi Lavia, Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng khai thác,

VKSND huyện Nam Giang không đề cập trách nhiệm, nên HĐXX không xem xét.

[10]. Về án phí: Các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo BhNước H, BhNước H1, Bling H2 phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 232; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 65 của BLHS đối với tất cả các bị cáo:

- Xử phạt bị cáo BhNước H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/10/2019).

- Xử phạt bị cáo BhNước H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/10/2019).

- Xử phạt bị cáo Blinh H2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/10/2019).

Giao các bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã Chà Val, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585 và 587 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo BHNước H phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl số tiền 249.574.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng y*).

- Buộc bị cáo BHNước H1 phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl số tiền 151.546.000 đồng (*Một trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng y*).

- Buộc bị cáo Bling H2 phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl số tiền 106.384.000 đồng (*Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng y*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong,

thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền tương ứng còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) máy cưa lốc nhãn hiệu STIHL-MS380, lưỡi cưa bằng kim loại dài 70cm của BhNước H là công cụ dùng để phạm tội, tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước (Vật chứng đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang theo Biên bản ngày 06/8/2019);

- Đối với 05 (năm) cây gỗ Chò nâu, nhóm VI, có tổng khối lượng là 28,278 m^3, có tổng giá trị theo kết luận định giá là 127.251.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn đồng), tịch thu và giao cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl xử lý (Vật chứng đã được giao cho cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã Chà Vàl theo Biên bản ngày 12/10/2018.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an tỉnh Quảng Nam (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam (Bộ phận lý lịch tư pháp);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

A Lăng Ping